

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

Bản số: 23/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 11/5/2023

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN - TỈNH THÁI NGUYÊN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Ninh và bà Nguyễn Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên: Bà Hoàng Thị D1 Ngọc - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 5 năm 2023 tại hội trường, Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 820/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2023 về việc : “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐSTHNGĐ, ngày 10 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Huyền T, sinh năm 1989

HKTT: Xóm Đồng Danh, xã Sơn Cẩm, thành phố Thái nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Lục Văn D, sinh năm 1984

HKTT: Xóm Đồng Danh, xã Sơn Cẩm, thành phố Thái nguyên, tỉnh Thái Nguyên

(Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn tại phiên tòa)

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại biên bản hòa giải nguyên đơn chị Đặng Huyền T trình bày: Chị kết hôn với anh Lục Văn D năm 2006, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Sơn Cẩm, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là Lục Quang Di, sinh ngày 02/06/2007 và Lục Mai Dn, sinh ngày 29/12/2009.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Lý do chị T xin ly hôn với anh D: Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng chị có rất nhiều bất đồng trong quan điểm sống, tính cách không hợp nhau nên thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, anh D nhiều lần đánh và đuổi chị ra khỏi nhà, dẫn đến có nhiều áp lực trong cuộc sống. Khoảng tháng 12/2022 do có mâu thuẫn anh D đã đánh và đuổi chị ra khỏi nhà, một mình chị phải về nhà bố mẹ đẻ ở, nên chị và anh D đã sống ly thân từ tháng 12/2022 đến nay, anh D cũng không liên lạc và không nói chuyện và không đến đón chị về, nên

chị và anh D không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay chị xác định không còn tình cảm gì với anh D, mâu thuẫn gia đình đã ở mức trầm trọng đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: Chị đề nghị được nuôi cả hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về Tài sản - công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và tổng đạt giấy triệu tập đương sự cho anh D đến Tòa án giải quyết vụ án, tuy nhiên anh D không đến và không chấp hành. Tòa án tiếp tục gửi thông báo về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, anh D đã đọc các văn bản tố tụng trên nhưng không nhận và không ký vào các biên bản giao nhận văn bản tố tụng. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng qua trưởng xóm cho anh D tuy nhiên anh D không nhận và không ký vào biên bản giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án, do vậy Tòa án đã tiến hành lập biên bản làm việc về sự việc như trên để có căn cứ giải quyết vụ án. Do các đương sự đã không cùng nhau hòa giải và thỏa thuận được các nội dung để giải quyết vụ án. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ quan điểm yêu cầu được ly hôn với anh D, xác định vợ chồng đã không còn tình cảm. Về con chung chị T có yêu cầu như sau: Do hai con chung của chị T và anh D đều có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn, chị T cũng nhất trí theo nguyện vọng của con, ngoài ra do chị không có chỗ ở ổn định, đang đi làm công nhân, chị không có điều kiện, thời gian để đưa đón, chăm sóc con chu đáo, nên chị đề nghị để anh D được trực tiếp nuôi con. Về mức cấp dưỡng nuôi con chị đề nghị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng anh D mức cấp dưỡng là 1.500.000đồng/ tháng.

Trong phần tranh luận vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định; Bị đơn vắng mặt và đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai, nên căn cứ khoản 2 Điều 227, xét xử vắng mặt anh D tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Đặng Huyền T được ly hôn với anh Lục Văn D..

Về con chung: Giao cả hai con chung cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng anh D số tiền 1.500.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa cho anh D theo đúng quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh D đã được thông báo và được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án tuy nhiên anh D không nhận và không ký vào các biên bản nên Tòa án không tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự tại Tòa án được. Anh D không viết bản tự khai, vắng mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, anh D không làm đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho anh D Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, anh D đã được biết, được tổng đạt hợp lệ các văn bản tuy nhiên không ký nhận vào biên bản giao nhận các văn bản tố tụng trên. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với anh D.

[2]. Về nội dung: Chị Đặng Huyền T và anh Lục Văn D kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, trên cơ sở tự nguyện nên được pháp luật thừa nhận là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng ly hôn theo chị T trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, không cảm thông chia sẻ được với nhau trong cuộc sống, anh D mãi chơi, không quan tâm chăm sóc đến vợ con. Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên quan điểm, dứt khoát yêu cầu được ly hôn với anh D, xác định chị không còn tình cảm gì với anh D. Hội đồng xét xử thấy: Hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, nay chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh D, do đó mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng, có duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn với anh D là phù hợp với thực tế và Điều 51 luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị T và anh D có 02 con chung là: Lục Quang D1, sinh ngày 02/06/2007 và Lục Mai D2, sinh ngày 29/12/2009. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T không có yêu cầu được trực tiếp nuôi con và đề nghị giao cả hai con chung cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bị đơn anh D vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, nên không có cơ sở để xem xét được nguyện vọng của anh D. Hội đồng xét xử thấy, con chung của chị T và anh D hiện tại đều do anh D trực tiếp nuôi dưỡng, hơn nữa cả hai con chung của chị T đều có nguyện vọng được ở cùng anh D, chị T trình bày do điều kiện hoàn cảnh hiện tại chị đang phải đi làm công nhân nên không có nhiều thời gian để chăm sóc con, hiện tại chị phải đi thuê nhà ở, nên chị đề nghị để anh D nuôi cả hai con chung. Để đảm bảo quyền lợi về

mọi mặt của con chung và theo quy định của Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thấy xét điều kiện, thu nhập kinh tế, công việc, thu nhập và nơi ở của hai bên, cần thiết giao con chung Lục Quang D1, sinh ngày 02/06/2007 và Lục Mai D2, sinh ngày 29/12/2009 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp với thực tế và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định:

“ 1. Sau khi ly hôn, vợ chồng vẫn có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của luật này, bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ và quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thoả thuận được thì Toà án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

.....

[4]. Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T đề nghị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng anh D số tiền 1.500.000 đồng/ tháng. Do anh D vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nên không có cơ sở để xem xét nguyện vọng của anh D. HĐXX thấy điều kiện, hoàn cảnh, mức thu nhập và sự tự nguyện về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con của chị T, nên cần chấp nhận đề nghị của chị T về mức cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng anh D là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành(đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có tài sản gì và không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, anh D quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến trình bày đề nghị gì. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết về tài sản chung trong vụ án này. Khi các đương sự có yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung thì khởi kiện bằng vụ án khác kèm theo các tài liệu chứng cứ để chứng minh.

[6]. Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, 482 Bộ luật Tố tụng Dân sự ; Điều 357, điều 468 Bộ luật dân sự; Các Điều 51, 56, 57 ,81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn của chị Đặng Huyền T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đặng Huyền T được ly hôn với anh Lục Văn D.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Lục Quang D1, sinh ngày 02/06/2007 và Lục Mai D2, sinh ngày 29/12/2009 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành(đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đặng Huyền T có trách nhiệm cấp dưỡng cho cả hai con chung cùng anh Lục Văn D mức 1.500.000đ(Một triệu năm trăm nghìn đồng) /1 tháng, kể từ tháng 6/2023 cho đến khi con trưởng thành(đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

Khi xét thấy cần thiết hoặc do điều kiện sống có sự thay đổi, vợ chồng có thỏa thuận khác phù hợp với quy định pháp luật và vì lợi ích của con chung, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

5. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nộp vào Ngân sách nhà nước, được trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000537 ngày 30/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên. Chị T còn phải nộp 300.000 đồng(Ba trăm nghìn đồng) vào Ngân sách nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Chị T có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP;
- Chi cục THADS TP;
- TAND tỉnh TN;
- Dương sự;
- UBND phường(xã);
- Lưu HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Anh Thư

Nơi nhận:

- VKSND TP;
- Chi cục THADS TP;
- TAND tỉnh TN;
- Dương sự;
- UBND phường(xã);
- Lưu HS, BP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Anh Thư

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 5 năm 2019

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**** Thẩm phán, chủ tọa phiên toà:***Bà Nguyễn Thị Thu Hà

**** Các hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Trần Xuân Viện

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Vào hồi 09 giờ, ngày 07/5/2019 tại Phòng nghị án, HĐXX sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án HNGĐ thụ lý số 27/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc “ly hôn”, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hà, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Tổ 14, phường Tân Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Dương Anh D, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Tổ 14, phường Tân Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

1. Điều luật áp dụng:

Căn cứ: các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Áp dụng: Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án..

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2. Tuyên xử:

2.1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Hà, cho chị Hà được ly hôn với anh Dương Anh D.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.2. Về con chung: Giao cả hai con chung là Dương Đức Anh, sinh ngày 28/9/2009 và Dương Khánh Ly, sinh ngày 04/5/2014, cho chị Hà trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh D được quyền đi lại thăm nom con chung.

*** Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:** Tòa án không giải quyết vì chị Hà không yêu cầu.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

2.4. Án phí: Chị Hà phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007208 ngày 07/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

Chị Hà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
Anh D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: nhất trí 3/3

Biên bản nghị án kết thúc cùng ngày.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Biên bản nghị án kết thúc cùng ngày.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA